

CỦNG CỐ CƠ SỞ HẠ TẦNG SẢN XUẤT MUỐI ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Nguyễn Thị Thu Hằng
Trường Đại học Ngoại Thương
Email: hang.nt@ftu.edu.vn

Ngày nhận: 14/03/2016

Ngày nhận lại: 31/03/2016

Mã số: 93.1DEco.12

Phát triển ngành muối là phát triển hậu phương vững mạnh của vùng ven biển, góp phần quan trọng để bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia. Ngành muối là một ngành bị tác động rất lớn của biến đổi khí hậu (BĐKH), tác động trực tiếp tới cơ sở hạ tầng, chất lượng muối. Việt Nam là một nước có nhiều ưu thế phát triển ngành muối tuy nhiên cho đến nay sản phẩm muối của Việt Nam có chi phí đầu vào cao, chất lượng và giá cả kém cạnh tranh. Bài viết đã nêu rõ thực trạng cơ sở hạ tầng ngành muối, kinh nghiệm phát triển hạ tầng ngành muối cũng như đề ra hướng phát triển cơ sở hạ tầng ngành muối.

Từ khóa: biến đổi khí hậu, muối, cơ sở hạ tầng, sản xuất muối,

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu (BĐKH) đã và đang tác động trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội và môi trường toàn cầu, hiện đang là một trong những vấn đề toàn nhân loại phải đối phó. Thời gian qua nhiều nơi trên thế giới đã phải chịu nhiều thiên tai nguy hiểm như bão lớn, nắng nóng dữ dội, lũ lụt, hạn hán và khí hậu khắc nghiệt gây thiệt hại lớn về tính mạng con người và vật chất.

Đã có nhiều nghiên cứu cho thấy mối liên hệ giữa các thiên tai nói trên với biến đổi khí hậu (UN Habitat, 2007). Trong một thế giới ấm lên rõ rệt như hiện nay và việc xuất hiện ngày càng nhiều các hiện tượng thiên tai đặc biệt nguy hiểm với tần suất, quy mô và cường độ ngày càng khó lường đòi hỏi cần có cơ sở hạ tầng vững mạnh để có thể ứng phó với BĐKH.

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 về nông nghiệp, nông thôn và nông dân, trong đó "Nâng cao năng lực phòng chống giảm nhẹ thiên tai, thực hiện một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, nhất là nước biển dâng" là một trong những vấn đề cần được thực hiện nhằm xây dựng được một khu vực nông thôn mới, một nền nông nghiệp phát triển ổn định và bền vững.

Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH đã hướng các hoạt động của chương trình cho sản xuất muối vì:

- Sản xuất muối, nhất là cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất chịu nhiều tác động của BĐKH và nước biển dâng
- Khu vực sản xuất muối là những địa phương nghèo, diêm dân là những người nghèo dễ bị tổn thương trước tác động của BĐKH và nước biển dâng và khó có cơ hội đầu tư khắc phục thiên tai và củng cố cơ sở hạ tầng đồng muối.

2. Thực trạng cơ sở hạ tầng ngành muối ở Việt Nam

Báo cáo Tổng hợp quy hoạch ngành muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 qua khảo sát các cơ sở làm muối tại 21 tỉnh ven biển của Việt Nam đã chỉ ra một số điểm chính về cơ sở hạ tầng của ngành muối như sau:

Về hệ thống thủy lợi

Hệ thống thủy lợi với vai trò vừa cung cấp nguồn nước biển cho sản xuất muối, vừa để tiêu thoát nước mưa, đảm bảo cho sản xuất được liên tục. Để chủ động trong việc cung cấp nước biển có độ mặn cao cho sản xuất muối và tiêu thoát nước mưa nhanh thì đòi hỏi

hệ thống thủy lợi phải được xây dựng hoàn chỉnh và phù hợp. Tuy nhiên, trong những năm qua hệ thống này đã không được chú ý đúng mức, lại bị tàn phá bởi các trận mưa, lũ bão... xảy ra với tần suất và cường độ ngày càng cao nên bị xuống cấp trầm trọng.

Hệ thống thủy lợi của ngành muối hiện nay nhìn chung đều xuống cấp. Cống, mương bị xuống cấp và bị bồi lấp không đảm bảo được nhiệm vụ tiêu, cấp nước phục vụ sản xuất, nhiều hồ chung phát đã bị san lấp hoặc chuyển sang phục vụ mục đích khác. Hệ thống cấp thoát nước một số vùng bị ô nhiễm do rác thải sinh hoạt, chất thải từ nuôi trồng thủy sản...

Các công trình đầu mối như đê, kè, cống, kênh cấp I... được sự hỗ trợ của Nhà nước nên được tu bổ, nhưng vẫn chưa đảm bảo độ kiên cố cần thiết. Các công trình nội đồng gồm sân phơi cát, ô kết tinh, kênh cấp II, cống nội đồng, việc tu bổ do diêm dân tự làm, nhưng do đời sống diêm dân khó khăn, không có vốn nên chỉ tu bổ một cách chắp vá. Do đó có khoảng 70 - 80% công trình nội đồng cần phải cải tạo nâng cấp.

Bảng 1: Hệ thống đê, cống phục vụ sản xuất muối cả nước

STT	Địa phương	Đê ngăn mặn (đê mặn) (km)	Đê ngăn lũ (đê ngọt) (km)	Cống đầu mối (chiếc)	Cống nội đồng (chiếc)
1	Bạc Liêu	17	17	8	16
2	Sóc Trăng	16	-	8	7
3	Bến Tre	4	4	2	4
4	Bình Thuận	5	19	17	305
5	Khánh Hòa	11	11	4	4
6	TP Hồ Chí Minh	25	-	5	46
7	Trà Vinh	8	-	-	-
8	Bà Rịa-Vũng Tàu	24	-	15	-
9	Ninh Thuận	14	1	6	-
10	Phú Yên	8	8	22	154
11	Bình Định	46	5	77	128
12	Quảng Ngãi	-	2	7	9
13	Quảng Nam	22	-	9	5
14	Quảng Bình	3	2	2	2
15	Hà Tĩnh	19	8	37	46
16	Nghệ An	46	19	84	12
17	Thanh Hóa	37	7	144	-
18	Nam Định	29	14	26	253
19	Thái Bình	7	-	5	12
20	Hải Phòng	18	22	13	42
21	Cà Mau	0	3	0	0
Tổng cộng		358	141	491	1.045

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - "Báo cáo Tổng hợp quy hoạch ngành muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030"

+ Đê ngăn mặn (đê mặn): Đê ngăn mặn có nhiệm vụ điều tiết nguồn nước mặn phục vụ cho sản xuất của đồng muối. Ở những nơi có thủy triều quá cao, sóng biển dồn mạnh, nhất là ở hướng chính diện của đồng muối sẽ phải xây đê ngăn mặn (đê biển) kiên cố để điều hòa nguồn lượng nước mặn lấy vào đồng muối. Việc này sẽ tạo ra nhiều chi phí cho xây dựng và vận hành. Trong 21 tỉnh có sản xuất muối thì hầu hết đều có đê ngăn mặn, chỉ có Quảng Ngãi và Cà Mau là không có hệ thống đê này. Tổng chiều dài đê ngăn mặn của các tỉnh có sản xuất muối là 358 km. Một số tỉnh có đê ngăn mặn dài như Nghệ An (46 km), Bình Định (46 km), Thanh Hóa (37 km), Nam Định (29 km)...

+ Đê ngăn lũ (đê ngọt): đê ngăn lũ có nhiệm vụ hướng dòng nước ngọt ở xung quanh đồng muối chảy sang phía khác, không để nước ngọt xâm nhập vào khu vực đồng muối làm giảm độ mặn của nước biển, nguồn nguyên liệu chủ yếu để làm muối. Loại công trình hạ tầng này có ý nghĩa quan trọng ở những địa phương thường xảy ra bão, lũ, có lượng mưa lớn, mưa có cường độ cao, địa phương có địa hình khu vực đồng muối dốc...

Tổng chiều dài đê ngăn lũ phục vụ sản xuất muối của cả nước là 141 km, chủ yếu ở 14 tỉnh, thành có sản xuất muối (Sóc Trăng, TP. Hồ Chí Minh, Trà Vinh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Nam và Thái Bình không có đê ngăn lũ cho vùng sản xuất muối của mình). Tỉnh có đê ngăn lũ dài nhất là Hải Phòng (22 km), tiếp sau là Bình Thuận, Nghệ An (19 km),...

- Cống đầu mối: chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ cho sản xuất muối do chọn vị trí đặt cống chưa hợp lý, hoặc là quá gần cửa sông dẫn đến hàm lượng muối trong nước biển thấp, sản lượng muối thấp, hoặc là chọn vị trí đặt cống lấy nước ngay trên bãi bồi, cửa cống luôn bị bồi lấp, hàng năm phải nạo vét nhiều. Hầu hết các cống đầu mối đều không xây dựng bể lắng cát dẫn đến phù sa theo hệ thống cấp vào đồng muối nên hàng năm phải tốn nhiều công để nạo vét. Cửa van đóng mở bằng tay, cửa phai gỗ gây khó khăn trong quá trình vận hành nhanh hư hỏng.

Hiện có 2 loại hình cống chủ yếu là cống đầu mối và cống nội đồng. Tổng cộng các khu vực sản xuất

muối cả nước có 1.536 chiếc cống, trong đó cống đầu mối là 491 chiếc (tập trung nhiều ở Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định...); cống nội đồng: 1.045 chiếc (Tập trung nhiều ở Bình Thuận, Nam Định, Phú Yên...).

- **Hệ thống mương cấp, mương tiêu:** hầu hết các đồng muối phơi cát hiện nay đều có hệ thống mương cấp và mương tiêu trùng nhau nên vào mùa mưa lũ, nước lũ từ các ô ruộng chảy tràn qua bờ kênh xuống kênh tiêu gây ra xói lở nghiêm trọng bờ kênh, bồi lắng lòng kênh, cũng vì nguyên nhân này mà khi nước triều cường phù sa đã theo hệ thống kênh đi vào đã gây bồi lấp trên các ô ruộng phơi cát. Mặt khác do hai hệ thống cấp và tiêu trùng nhau dẫn đến hiệu quả tiêu mưa kém, không tiêu hết được lượng nước mưa, nên khi lấy nước mặn vào để sản xuất muối thì hàm lượng muối giảm đi làm giảm năng suất, chất lượng muối, gây ô nhiễm môi trường.

Bảng 2: Hệ thống mương và trạm bơm cấp nước cả nước

STT	Địa phương	Mương (km)			Hệ thống trạm bơm cấp nước (chiếc)		
		Tổng cộng	Mương cấp	Mương thoát	Tổng cộng	Số bơm/trạm bơm cấp 1	Số bơm/trạm bơm cấp 2
1	Bạc Liêu	62	31	31	3.370	-	-
2	Sóc Trăng	-	-	-	107	5	24
3	Bến Tre	14	7	7	89	13	39
4	Bình Thuận	40	20	20	99	29	59
5	Khánh Hòa	45	23	22	772	-	-
6	TP Hồ Chí Minh	-	-	-	32	2	10
7	Trà Vinh	3	3	-	-	-	-
8	Bà Rịa-Vũng Tàu	-	-	-	-	-	-
9	Ninh Thuận	15	-	15	3	-	-
10	Phú Yên	20	10	10	175	25	-
11	Bình Định	-	-	-	75	15	-
12	Quảng Ngãi	6	3	3	-	-	-
13	Quảng Nam	22	11	11	-	-	-
14	Quảng Bình	4	2	2	40	10	30
15	Hà Tĩnh	198	111	87	3	-	3
16	Nghệ An	318	318	-	-	-	-
17	Thanh Hóa	188	188	-	-	-	-
18	Nam Định	494	234	260	2	2	-
19	Thái Bình	3	-	3	-	-	-
20	Hải Phòng	41	-	41	-	-	-
21	Cà Mau	16	11	5	16	3	4
Tổng cộng		1.489	972	517	4.783	104	189

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - "Báo cáo Tổng hợp quy hoạch ngành muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030"

+ **Hệ thống mương:** Trong khu vực sản xuất muối có hai loại hệ thống mương. Hệ thống mương cấp làm nhiệm vụ cấp nước mặn một cách phù hợp cho quá trình sản xuất muối (có thể cấp vào các hồ chứa, rồi từ hồ chứa nước mặn cấp về các sân phơi hoặc cấp thẳng đến sân phơi) và hệ thống mương thoát làm nhiệm vụ tiêu thoát nước

(nước trên ruộng muối còn lại sau khi muối kết tinh), nước mưa, nước ngọt có trong khu vực sản xuất muối. Đa phần các khu vực sản xuất muối của Việt Nam hiện nay đều sử dụng hệ thống mương cấp nước mặn và thoát nước trùng nhau. Hệ thống mương trong sản xuất muối của cả nước có tổng chiều dài là 1.489 km, trong đó mương cấp: 972 km và mương thoát là 517 km. Nam Định có chiều dài mương lớn nhất với 494 km, tiếp theo là Nghệ An với 318 km... Tuy nhiên, địa phương có chiều dài mương cấp lớn nhất là Nghệ An với 318 km và không có hệ thống mương thoát riêng.

+ **Hệ thống trạm bơm cấp nước mặn:** ở những địa phương có địa hình chênh lệch giữa khu vực sản xuất muối nhiều so với mực nước biển hoặc có chế độ thủy triều không phù hợp..., hoặc sản xuất muối theo phương pháp phơi nước (chủ yếu là các tỉnh phía Nam) người ta thường phải làm hệ thống trạm bơm cấp 1, trạm bơm cấp 2, trạm bơm cấp 3 để điều hòa lượng nước mặn cấp cho quá trình sản xuất muối. Các trạm bơm này có nhiệm vụ quan trọng trong việc điều hòa lượng nước mặn, thậm chí là điều tiết cả quá trình bốc hơi trong một số đồng muối sản xuất theo phương pháp phơi nước truyền thống, phơi nước phân tán ở Đồng Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long trong quá trình làm muối. Tổng số trạm bơm cấp nước mặn cho làm muối của cả nước là 4.783 cái, tập trung chủ yếu ở các tỉnh, thành Quảng Bình trở vào (ở phía Bắc chỉ có Nam Định có 02 trạm bơm cấp 1). Trong đó trạm bơm cấp 1: 104 cái, trạm bơm cấp 2: 169 cái và trạm bơm cấp 3: 4.510 cái.

- **Hệ thống hồ chứa, bể lọc chạt, sân phơi và ô kết tinh**

Hệ thống hồ chứa nước mặn: hệ thống hồ chứa nước mặn có nhiệm vụ tích trữ nước mặn, điều hòa lượng nước mặn trong quá trình sản xuất muối. Các hồ chứa này còn có

tác dụng bay hơi một phần nước trong quá trình tích trữ nước mặn làm cho độ mặn của nước nguyên liệu trước khi vào các ô phơi cao hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình bốc hơi trên các sân phơi. Do có hệ thống hồ chứa nên có thể tận dụng khả năng tự chảy của nước biển khi thủy triều lên cao để lấy nước mặn, giảm chi phí sản

Bảng 3 : Hệ thống hồ chứa, sân phơi, ô kết tinh phục vụ sản xuất muối cả nước

STT	Địa phương	Hồ chứa (m ³)	Sân phơi, ô phơi (ha)	Ô kết tinh (ha)
1	Bạc Liêu	886	975	372
2	Sóc Trăng	-	254	38
3	Bến Tre	-	396	171
4	Bình Thuận	-	376	153
5	Khánh Hòa	358	587	162
6	TP Hồ Chí Minh	-	790	182
7	Trà Vinh	-	150	36
8	Bà Rịa-Vũng Tàu	-	548	135
9	Ninh Thuận	-	1.030	200
10	Phú Yên	115.550	108	22
11	Bình Định	1.215	138	21
12	Quảng Ngãi	60	81	11
13	Quảng Nam	25	21	4
14	Quảng Bình	45	37	8
15	Hà Tĩnh	2.045	135	26
16	Nghệ An	-	498	100
17	Thanh Hóa	12.116	278	56
18	Nam Định	24.691	568	112
19	Thái Bình	1.042	34	7
20	Hải Phòng	6.581	125	26
21	Cà Mau	-	132	13
Tổng cộng		164.613	7.260	1.854

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - " Báo cáo 975 ha,...

Tổng hợp quy hoạch ngành muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030".

xuất. Hệ thống hồ chứa còn có nhiệm vụ rất quan trọng là giúp cho các đồng muối lấy được nước biển đúng ở độ mặn cần thiết và có chất lượng phù hợp cho quá trình sản xuất muối sau này. Nhờ đó mà hiệu quả của sản xuất cao hơn. Hiện cả nước có dung tích hồ chứa phục vụ sản xuất muối là 164.613m³, tập trung chủ yếu ở các địa phương từ Phú Yên trở ra Bắc, trong đó Phú Yên là địa phương có dung tích hồ chứa lớn nhất với 115.550m³, tiếp theo là Nam Định với 24.691m³,...

- Hệ thống ô phơi cát, kết cấu lọc chạt và ô nê:

Đây là các công trình chính trong sản xuất muối. Các sân phơi, ô phơi có nhiệm vụ lấy nước mặn từ kênh cấp nước mặn chuyển vào cát, bốc hơi nước tạo ra cát mặn (đối với sản xuất muối theo phương pháp phơi cát), hoặc chỉ đơn thuần là nhận nước mặn từ nguồn cấp, bốc bốc hơi nước

tạo ra nước mặn với các độ mặn khác nhau trước khi chuyển đến khu vực kết tinh (đối với sản xuất muối theo phương pháp phơi nước). Các sân phơi, ô phơi thường được thiết kế và xây dựng khá chu đáo để một mặt vừa có thể làm tăng tính mao dẫn của sân phơi, tạo điều kiện tốt cho việc lấy nước mặn từ các kênh dẫn vào (đối với sản xuất muối theo phương pháp phơi cát) hoặc giảm tính thấm làm mất đi lượng nước mặn cần thiết trong ô phơi (đối với sản xuất muối theo phương pháp phơi nước), vừa tạo điều kiện để nước mặn có thể tự chảy theo ý muốn đến các ô phơi tiếp theo, đồng thời phải có điều kiện bốc hơi nước tốt nhất nhằm làm giảm chi phí và tăng hiệu quả của quá trình sản xuất muối. Hiện các ô phơi, sân phơi chưa được thuận tiện để áp dụng các kỹ thuật, công nghệ che mưa nhằm hạn chế ảnh hưởng của thời tiết đến quá trình sản xuất muối. Tổng diện tích sân phơi, ô phơi phục vụ sản xuất muối cả nước là 7.260 ha. Địa phương có diện tích ô phơi lớn nhất là Ninh Thuận với 1.030 ha, tiếp theo là Bạc Liêu với

Ô kết tinh: Ô kết tinh là công trình cuối cùng trong chuỗi các công trình trực tiếp sản xuất ra muối. Các ô kết tinh phải được xây dựng sao cho vừa thuận tiện cho quá trình chuyển nước mặn bão hòa muối từ các ô phơi, sân phơi đến, vừa có điều kiện thuận lợi để nước mặn tiếp tục bốc hơi và kết tinh, lại phải đảm bảo độ bền chắc cần thiết nhằm làm giảm quá trình thấm lậu, làm mất lượng nước mặn bão hòa muối, đồng thời đảm bảo thuận lợi cho quá trình thu gom muối đã kết tinh. Đối với các đồng muối tập trung, đồng muối công nghiệp,... các ô kết tinh này còn phải đảm bảo thuận lợi cho quá trình áp dụng cơ giới hóa trong thu gom, vận chuyển muối. Cả nước có tổng cộng 1.854 ha ô kết tinh, trong đó lớn nhất là Bạc Liêu (372 ha), Ninh Thuận (200 ha)...

Hiện nay hầu hết hệ thống ô phơi đều do dân tự làm, không có bờ ô, không có các cống lấy nước

Bảng 4: Giao thông nội đồng trong sản xuất muối cả nước

STT	Địa phương	Chiều dài đường giao thông nội đồng (km)
1	Bạc Liêu	45
2	Sóc Trăng	25
3	Bến Tre	42
4	Bình Thuận	12
5	Khánh Hòa	19
6	TP Hồ Chí Minh	40
7	Trà Vinh	6
8	Bà Rịa-Vũng Tàu	24
9	Ninh Thuận	16
10	Phú Yên	5
11	Bình Định	941
12	Quảng Ngãi	3
13	Quảng Nam	3
14	Quảng Bình	3
15	Hà Tĩnh	153
16	Nghệ An	104
17	Thanh Hóa	60
18	Nam Định	108
19	Thái Bình	28
20	Hải Phòng	3
21	Cà Mau	40
	Tổng cộng	1.680

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - "Báo cáo Tổng hợp quy hoạch ngành muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030"

và cổng thoát của từng ô ruộng. Hệ thống ô nhỏ có diện tích $4m^2 - 6m^2/ô$, làm hạn chế năng suất lao động. Để tăng năng suất lao động cần mở rộng diện tích ô nhỏ lên $24 m^2$.

Về hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông đồng muối có nhiệm vụ tạo điều kiện cho quá trình vận chuyển muối từ nơi sản xuất (các đồng muối) về nơi thu gom, chế biến và tiêu thụ.

Với đặc thù là sản lượng làm ra khá lớn (từ 12 tấn/ha đến trên 100 tấn/ha) nên hệ thống giao thông, nhất là giao thông nội đồng có nhiệm vụ rất

nặng nề và quan trọng trong sản xuất muối. Tổng chiều dài của hệ thống giao thông nội đồng dùng cho việc vận chuyển muối của cả nước là 1.680 km, trong đó Bình Định có hệ thống giao thông nội đồng vùng muối dài nhất với chiều dài là 941 km, tiếp theo là Hà Tĩnh (153 km)...

Về Hệ thống kho bảo quản muối

+ Kho bảo quản muối dự trữ quốc gia: hiện có 62 kho bảo quản muối dự trữ quốc gia, trong đó có 46 kho còn tốt, 16 kho đã hư hỏng, dột nát. Hầu hết đường giao thông vào các kho này đều đã hư hỏng, xuống cấp cần được tu sửa, làm mới.

+ Kho bảo quản muối dự trữ lưu thông

Tổng trữ lượng kho loại này của cả nước là 463.896 tấn. Trong đó các doanh nghiệp có 145.280 tấn kho, các HTX sản xuất muối có 24.900 tấn kho còn các hộ gia đình có 293.716 tấn kho. Hiện có 110 kho có 19 kho còn tốt, còn lại đều ở trong tình trạng trung bình và xấu. Nhìn chung, chỉ có các kho của Tổng công ty Lương thực miền Bắc (khoảng gần 200 tấn) là có nhà kho. Còn hầu hết các kho còn lại là kho lộ thiên. Các kho của hộ gia đình phần lớn đều là kho tạm. Có nơi diêm dân đánh đồng muối trên bờ, cạnh ruộng muối, trong vườn... che dột tạm bợ nên bị ảnh hưởng nhiều bởi sự biến động của thời tiết, khí hậu.

Nhìn chung có thể thấy thực trạng cơ sở hạ tầng ngành muối của Việt Nam hiện đang xuống cấp và đang cần được cải thiện đáng kể cả về chất lượng và số lượng. Đòi hỏi một sự đầu tư đáng kể cho các công trình hạ tầng này. Hiện nay, quy mô sản xuất muối nhìn chung còn nhỏ lẻ, phân tán, dựa theo kinh nghiệm là chính, kỹ thuật lạc hậu, sản phẩm làm ra với chi phí giá thành cao (gấp 20-30 lần so với các nước tiên tiến¹), chất lượng hạn chế, muối thành phẩm chưa đủ điều kiện để xuất khẩu, ngược lại Việt Nam hiện vẫn đang phải nhập khẩu muối sạch, điều này thể hiện tính cạnh tranh của muối thành phẩm Việt Nam thấp.

1. Theo Cục Chế biến nông lâm thủy sản và Nghề muối - Bộ NN&PTNT thì một ha muối ở Việt Nam cần 30 người trong khi đó ở các nước khác chỉ cần 1 người.

Đây cũng là một trong các nguyên nhân chính làm cho đời sống của các diêm dân luôn gặp khó khăn để có thể duy trì và sản xuất muối.

Đứng trước những tác động tiêu cực từ biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, nhu cầu đầu tư cải tạo và xây mới hệ thống cơ sở hạ tầng bền vững để có thể ứng phó với các biến đổi này, việc thu hút đầu tư trở lên cấp bách hơn bao giờ hết. Đòi hỏi ngân sách nhà nước hỗ trợ cũng như các biện pháp thu hút đầu tư của khu vực tư nhân cho phát triển hạ tầng ngành muối.

3. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển hạ tầng ngành muối

Trung Quốc là quốc gia sản xuất và xuất khẩu muối đứng đầu trên thế giới với mức sản lượng thu hoạch bình quân đạt 70 triệu tấn/năm chiếm 27% sản lượng muối toàn cầu². Trung Quốc đã chủ động phát triển ngành muối, chú trọng ổn định đời sống cho diêm dân, coi phát triển ngành muối là một trong những điểm quan trọng trong phát triển bền vững điều này góp phần đáng kể trong việc bảo vệ vùng biển và an ninh quốc phòng của đất nước. Trung Quốc đã thực hiện độc quyền ngành muối từ năm 2014³, tiến hành quy hoạch các vùng sản xuất muối có lợi thế tự nhiên cho sản xuất và thuận tiện cho giao thông để phát triển. Chính phủ đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng thời cũng cho phép các doanh nghiệp nhỏ lẻ tư nhân có cơ hội xây dựng và sản xuất muối thông qua các Phòng Công nghiệp muối (SIB- Salt Industry Bureau) đặc biệt là hệ thống hạ tầng bền vững phù hợp với biến đổi khí hậu cũng như những cảnh báo về khí hậu có tác động đến ngành muối.

Mỹ là hai quốc gia đứng thứ hai trên thế giới về sản xuất và xuất khẩu muối. Theo Thống kê của Viện Khảo sát địa chất Mỹ tính đến năm 2012 Mỹ đã sản xuất được 37,12 triệu tấn chiếm 14,36% sản lượng toàn cầu. Để phát triển ngành muối, Mỹ đã tiến hành quy hoạch các khu vực sản xuất muối ven biển đó là những vùng muối có lợi thế tự nhiên cho sản xuất muối và thuận lợi về vận chuyển như gần đường giao thông, đường bộ và sử dụng đồng thời phát triển theo hướng bền vững.

Cả hai quốc gia này đã liên tục xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, trang bị máy móc để sản

xuất muối theo hướng công nghiệp, giúp diêm dân giảm chi phí đầu tư. Những một số diện tích sản xuất muối kém hiệu quả sẽ được chuyển sang nuôi trồng thủy sản hoặc các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp khác.. đồng thời hỗ trợ cho người mua lại những cánh đồng muối đã qua sử dụng hoặc chuyển đổi mục đích. Bên cạnh đó, cả hai quốc gia này đều hướng tới coi muối là mặt hàng xuất khẩu quan trọng trong quy hoạch phát triển dài hạn.

4. Giải pháp phát triển ngành muối và cơ sở hạ tầng ngành muối cho Việt Nam

Tại Việt Nam do muối không mang lại lợi ích kinh tế cao bằng các ngành hàng khác nên ngành muối ít được các địa phương quan tâm đúng mức, không dành quỹ đất có lợi thế cho sản xuất muối, thậm chí có địa phương còn chuyển đổi đất đang làm sản xuất muối trong quy hoạch sang phát triển khu công nghiệp phá vỡ quy hoạch đã được phê duyệt. Việc đầu tư vào các cơ sở hạ tầng ngành muối sẽ mang lại lợi nhuận không cao, thời gian thu hồi vốn lâu, do vậy khó có thể thu hút được đầu tư tư nhân vào phát triển hệ thống hạ tầng bao gồm: đê bao, trạm bơm, hệ thống cống, kênh mương cấp nước biển, kênh mương thoát lũ, công trình giao thông, thủy lợi nội đồng, giải phóng mặt bằng, xây dựng trường học, trạm xá, khu tái định cư, đào tạo nghề, di dân kinh tế mới, điện, nước sạch sinh hoạt và các công trình thiết yếu phục vụ người dân vùng sản xuất muối trong quy hoạch đặc biệt trong điều kiện biến đổi khí hậu như hiện nay.

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (2007), Việt Nam là một trong năm nước sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng của BĐKH và nước biển dâng, trong đó vùng đồng bằng sông Hồng và sông Mê Công bị ngập chìm nặng nhất. Nếu mực nước biển dâng 1m sẽ có khoảng 10% dân số bị ảnh hưởng trực tiếp, tổn thất đối với GDP khoảng 10%. Nếu nước biển dâng 3m sẽ có khoảng 25% dân số bị ảnh hưởng trực tiếp và tổn thất đối với GDP lên tới 25%. Điều này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng toàn bộ hệ thống hạ tầng hiện có của ngành muối. Vì vậy để phát triển ngành muối và cơ sở hạ tầng của ngành muối cần:

2. <http://www.statista.com/statistics/273334/global-production-output-of-salt/>

3. <http://thediplomat.com/2014/11/why-china-decided-to-abolish-its-state-salt-monopoly/>

Thứ nhất, ngân sách nhà nước cần đầu tư bồi thường, giải phóng mặt bằng, xây dựng khu tái định cư; hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đầu mối ngoài dự án phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án, bao gồm: đê bao, hệ thống kênh mương cấp nước biển, hệ thống kênh tiêu phòng lũ, công trình giao thông, điện hạ thế với phương châm bảo đảm quản lý tổng hợp và phát triển bền vững, đảm bảo an ninh lương thực, an toàn cho nhân dân và các giá trị văn hóa trong điều kiện phải gánh chịu tác động nghiêm trọng của BĐKH và nước biển dâng.

Thứ hai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần xúc tiến đầu tư xây dựng kho dự trữ muối quốc gia tập trung tại các khu vực muối lớn để giải quyết tồn đọng muối trong dân, nhằm khắc phục tình trạng trúng mùa mất giá như hiện nay.

Thứ ba, cần đẩy mạnh thu hút đầu tư dưới hình thức xã hội công tác nghiên cứu khoa học - công nghệ để thu hút nhiều doanh nghiệp, nhiều thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu và đầu tư; khuyến khích các doanh nghiệp muối có khả năng thành lập bộ phận nghiên cứu công nghệ sản xuất và chế biến muối; xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động KHCN thích ứng với BĐKH của ngành nông nghiệp; quy hoạch sử dụng đất, mặt nước, nguồn nước hiệu quả với sự xem xét đến tác động trước mắt và tác động tiềm tàng của BĐKH đảm bảo nền sản xuất ổn định và bền vững.

Thứ tư, mở rộng hợp tác quốc tế với nhiều hình thức như trao đổi thông tin, thăm quan học hỏi các nước sản xuất muối tiên tiến, kêu gọi và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sản xuất muối.

Thứ năm, Nhà nước cần đầu tư cơ sở hạ tầng và kêu gọi các nhà đầu tư xây dựng nội đồng, trang thiết bị sản xuất... đối với những cánh đồng muối công nghiệp được quy hoạch tại các địa phương có điều kiện thuận lợi phát triển sản xuất mở rộng khung ưu đãi đầu tư dưới hình thức PPP cho phát triển nông nghiệp như áp dụng thuế suất ưu đãi, kéo dài thời gian ân hạn vay vốn, tăng cường hỗ trợ nhà nước cho phát triển các dự án dưới hình thức này đặc biệt các dự án có vốn đầu tư nước ngoài... ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo tổng hợp quy hoạch muối, Quyết định 4513/QĐ-BNN-CB ngày 21/10/2014.
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam*, Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, năm 2012.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quyết định số 543/QĐ-BNN-KHCN ngày 23/3/2011 Ban hành kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2050.
4. Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (12/2008).
5. Nguyễn Mạnh Dũng, *Một số ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến sản xuất muối của Việt Nam*, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số tháng 4/2011 (trang 92-97).
6. Nguyễn Mạnh Dũng, *Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sản xuất muối ở Việt Nam*, Bản tin phục vụ lãnh đạo, Trung tâm tin học thống kê Bộ Nông nghiệp và PTNT, Hà Nội, 2011.
7. Khung chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2008-2020, (QĐ số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 5/9/2008).

Summary

Salt production industry is a strong foundation for coastal areas with its important contribution to the national sovereignty and security protection. Salt industry is among those hardest hit by the climate change with direct effect on the infrastructure and salt quality. Vietnam has many advantages in salt industry development, but its products have got high input costs, uncompetitive quality and prices. The article clearly stated the current situation of salt production infrastructure, the experience in developing the industry as well as makes some recommendations on developing the infrastructure.